

Số: 5/HD-VKSTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự năm 2023

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 02/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân (KSND) năm 2023 và Kế hoạch số 01/KH-VKSTC ngày 27/12/2022 về công tác trọng tâm của VKSND tối cao năm 2023, VKSND tối cao (Vụ 13) hướng dẫn công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp năm 2023 như sau:

1. Công tác hợp tác quốc tế

1.1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về pháp luật, đặc biệt là Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030, Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09/12/2009 và Kết luận số 73-KL/TW ngày 20/5/2020 của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài, Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại ban hành kèm theo Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị khóa XI; thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại ban hành theo Quyết định số 37/QĐ-VKSTC ngày 25/01/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao, Quy định quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong ngành KSND ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-VKSTC-HTQT&TTTTPHS ngày 16/5/2013 của Viện trưởng VKSND tối cao và các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế của



ngành KSND. Việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, thiết thực và tiết kiệm.

1.2. Triển khai thực hiện các Thỏa thuận hợp tác đã ký bảo đảm hiệu quả, thiết thực, bền vững; tăng cường ký kết các Thỏa thuận hợp tác mới với Viện kiểm sát, Viện công tố các nước có nền công tố mạnh, có hệ thống pháp luật tương đồng với Việt Nam. Các hoạt động hợp tác tập trung vào lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ kiểm sát; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm xuyên quốc gia. Tăng cường thúc đẩy, mở rộng hiệu quả hợp tác song phương từ việc tham gia các diễn đàn hợp tác quốc tế đa phương.

2. Công tác tương trợ tư pháp về hình sự

2.1. Hoạt động lập, gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự cho nước ngoài để đề nghị thực hiện; tiếp nhận, thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.2. Đối với hoạt động thu thập thông tin nhân thân, xác minh lý lịch bị can là người nước ngoài, trong quá trình điều tra vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài đã đề nghị nước ngoài thực hiện việc xác minh nhưng hết thời hạn điều tra, truy tố mà chưa nhận được kết quả tương trợ, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể sử dụng các biện pháp khác đã được liên ngành tư pháp trung ương thống nhất để thu thập thông tin nhân thân, lý lịch bị can, bị cáo, phù hợp với quy định tại Điều 86, điểm e khoản 1 Điều 87 và Điều 103 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đó là:

(i) Sử dụng giấy tờ tùy thân của bị can để xác định, bao gồm hộ chiếu, thẻ căn cước hay giấy tờ, tài liệu khác để xác định nhân thân bị can;

(ii) Có văn bản đề nghị cơ quan Tổng lãnh sự, Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam cung cấp, xác định tài liệu, thông tin về lý lịch bị can của bị can là công dân nước đó (có thể đề nghị thông qua Sở ngoại vụ ở địa phương mình);

(iii) Trực tiếp liên hệ thông qua kênh hợp tác cảnh sát - cảnh sát, Văn phòng Interpol đề nghị cảnh sát nước có công dân đang là bị can ở Việt Nam để thu thập lý lịch bị can;

(iv) Trường hợp đã thực hiện các biện pháp trên nhưng không thu thập được thông tin, tài liệu về lý lịch bị can, thì căn cứ vào lời khai của bị can để xác định nhân thân, lý lịch của bị can.

2.3. Việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 28 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/8/2013. Việc xử lý yêu cầu của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam và giải quyết yêu cầu cung cấp quyết định pháp lý cuối cùng trong vụ án do nước ngoài chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 29 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1918/VKSTC-HTQT ngày 15/6/2012 của VKSND tối cao và quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thủ tục giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2.4. Tương trợ tư pháp về hình sự giữa các tỉnh có chung đường biên giới với CHDCND Lào tiếp tục thực hiện thực hiện theo Hướng dẫn số 19/HD-VKSTC-HTQT ngày 24/7/2012 của VKSND tối cao.

2.5. Tương trợ tư pháp về hình sự với Trung Quốc thực hiện theo Hướng dẫn số 38/HD-VKSTC ngày 24/12/2019 của VKSND tối cao về việc lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi VKSND tối cao Trung Quốc. Tương trợ tư pháp về hình sự giữa các tỉnh có chung đường biên giới với Trung Quốc thực hiện theo Công văn số 5476/VKSTC-V13 ngày 02/12/2020 của VKSND tối cao về việc dừng gửi yêu cầu tương trợ tư pháp trực tiếp giữa các tỉnh có chung

đường biên giới với Trung Quốc, theo đó, tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng các tỉnh có chung đường biên giới đề nghị phía Trung Quốc thực hiện phải gửi đến VKSND tối cao (Vụ 13) để gửi cho VKSND tối cao Trung Quốc theo quy định tại Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự năm 1998.

2.6. Việc lập hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự gửi nước ngoài cần lưu ý:

- Quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, giải quyết vụ án hình sự, nếu thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ, tài liệu từ nước ngoài, Viện kiểm sát các cấp cần chủ động, kịp thời yêu cầu cơ quan điều tra lập hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự theo quy định của pháp luật; tránh tình trạng lập hồ sơ sau một thời gian dài mới gửi cho Vụ 13 - VKSND tối cao.

- Nội dung hồ sơ ủy thác tư pháp thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 18, 19 Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các nước và Mẫu văn bản ủy thác theo hướng dẫn của VKSND tối cao. Văn bản ủy thác cần nêu rõ mục đích, nội dung các hoạt động ủy thác cần thực hiện; sự cần thiết phải thực hiện ủy thác để phục vụ quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại Việt Nam. Cần chú ý mô tả cụ thể nội dung vụ án, các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội; trích dẫn đầy đủ nội dung điều luật về tội danh và hình phạt đối với hành vi nêu trong yêu cầu ủy thác để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện tương trợ cho Việt Nam đánh giá hành vi có cấu thành tội phạm hay không, đặc biệt là trong trường hợp có sự khác nhau về tội danh giữa pháp luật nước ta và nước được yêu cầu; nêu rõ thời hạn mong muốn có kết quả thực hiện tương trợ. Trường hợp đề nghị thực hiện nhiều nội dung tương trợ khác nhau thì cần mô tả chi tiết từng loại yêu cầu tương trợ.

Đối với yêu cầu thu hồi tài sản do phạm tội, đặc biệt là thu hồi tài sản tham nhũng mà có thì cần mô tả chi tiết về tài sản, nơi có tài sản cần tìm, căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có đang có mặt tại nước được yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của Việt Nam; mối liên hệ giữa tài sản bị yêu cầu thu

hồi và hành vi phạm tội và các tài liệu khác (nếu có) để chứng minh tài sản yêu cầu thu hồi là tài sản do phạm tội mà có.

- Theo quy định của pháp luật một số quốc gia, vùng lãnh thổ như Xinh-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Hồng Kông (Trung Quốc)... thì yêu cầu tương trợ tư pháp phải do Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự của nước yêu cầu lập. Do vậy, cơ quan tiến hành tố tụng lập hồ sơ ủy thác tư pháp đề nghị nước ngoài thực hiện trong trường hợp này cần cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu (bản in và bản mềm) để VKSND tối cao (Vụ 13) có thể lập yêu cầu tương trợ tư pháp theo mẫu pháp luật nước được yêu cầu quy định.

- Trường hợp cần đề nghị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài giữ bí mật nội dung và việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp thì cần ghi rõ trong văn bản ủy thác tư pháp; lưu ý, không đóng dấu các mức độ mật vào hồ sơ ủy thác tư pháp gửi đi nước ngoài.

- Hồ sơ ủy thác tư pháp lập thành 03 bộ, kèm theo bản dịch đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 5 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 gửi VKSND tối cao (Vụ 13) để thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ và làm thủ tục chuyển cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện.

- Đối với yêu cầu tương trợ tư pháp gửi đi Hàn Quốc, theo quy định của pháp luật hình sự Hàn Quốc, hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Hàn Quốc; do đó, cơ quan có thẩm quyền Hàn Quốc sẽ không thực hiện tương trợ tư pháp đối với yêu cầu liên quan đến hành vi này.

- Đối với yêu cầu tương trợ tư pháp gửi đi Trung Quốc, VKSND tối cao Trung Quốc sẽ chỉ thực hiện tương trợ tư pháp cho phía Việt Nam nếu hành vi nêu trong yêu cầu tương trợ cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Trung Quốc. Thời gian vừa qua, VKSND tối cao Trung Quốc đã nhiều lần có Công hàm yêu cầu phía Việt Nam bổ sung thông tin để đánh giá hành vi trong vụ án, vụ việc mà phía Việt Nam yêu cầu tương trợ có cấu thành tội phạm hay không. Ví dụ: Theo quy định của pháp luật hình sự Trung Quốc, hành vi tổ chức

mang thai hộ vì mục đích thương mại không cấu thành tội phạm hình sự; do đó, đối với các yêu cầu liên quan đến hành vi này, cơ quan lập yêu cầu cần mô tả cụ thể hành vi phạm tội có liên quan đến các hành vi phạm tội khác hay không (ví dụ: hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài). Đối với một số hành vi như buôn lậu, buôn bán hàng cấm, đánh bạc, trộm cắp tài sản, trốn thuế, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nội dung yêu cầu cần nêu rõ giá trị tài sản hoặc số tiền liên quan đến hành vi phạm tội nêu trong yêu cầu để phía Trung Quốc xem xét hành vi có đủ cấu thành tội phạm theo pháp luật Trung Quốc hay không trước khi quyết định thực hiện yêu cầu.

- Đối với yêu cầu tương trợ tư pháp gửi đi Đài Loan, (1) trong văn bản yêu cầu tương trợ không có nội dung thể hiện là “Trung Quốc”, chỉ ghi là “Vùng lãnh thổ Đài Loan”; (2) mục “Quốc tịch” chỉ ghi là “Người Đài Loan”; hồ sơ kèm theo bản dịch sang tiếng Trung Quốc phồn thể.

3. Công tác dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù

Các VKSND cấp cao và VKSND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong việc xem xét yêu cầu dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Luật tổ chức VKSND năm 2014 (các Điều 6, 32,33), Luật tương trợ tư pháp năm 2007 (các Điều 40, 55) và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (các Điều 498 - 506).

4. Công tác thực hiện chương trình, dự án quốc tế

Việc tiếp nhận tài trợ các hoạt động của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đề nghị hỗ trợ trực tiếp các đơn vị thuộc VKSND tối cao và các VKSND địa phương đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 về việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại ban hành theo

Quyết định số 37/QĐ-VKSTC ngày 25/01/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao. Quá trình làm việc với đối tác nước ngoài và triển khai thực hiện cần phối hợp chặt chẽ với Vụ 13 trên cơ sở đảm bảo yêu cầu của công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

5. Chế độ thông tin, báo cáo

5.1. Viện kiểm sát nhân dân các cấp chấp hành đầy đủ, nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ; Kế hoạch số 03/KH-BCSD ngày 09/6//2021 của Ban cán sự Đảng VKSND tối cao về thực hiện Chỉ thị 39 CT/TW ngày 09/12/2009 và Kết luận 73-KL/TW ngày 20/5/2020 của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp trong ngành KSND; Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại ban hành theo Quyết định số 37/QĐ-VKSTC ngày 25/01/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao và các quy chế, quy định khác có liên quan đến công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự của ngành KSND.

Báo cáo công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp năm 2023 của các đơn vị trong Ngành theo quy định tại Chỉ thị số 39 CT/TW, Kết luận số 73-KL/TW và Kế hoạch số 03/KH-BCSD đề nghị gửi về VKSND tối cao (Vụ 13) trước ngày **05/12/2023** để tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ban cán sự đảng VKSND tối cao gửi cấp có thẩm quyền theo quy định.

5.2. Các đơn vị có phát sinh hoạt động hợp tác quốc tế cần báo cáo kịp thời về VKSND tối cao (thông qua Vụ 13) để tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung và thực hiện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hợp tác quốc tế.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung trọng tâm công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự năm 2023, đề nghị thủ trưởng các đơn vị thuộc VKSND tối cao, Viện trưởng VKSND cấp cao và VKSND cấp tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị liên hệ về VKSND tối cao (Vụ 13) để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để b/cáo);
- Các đ/c Lãnh đạo VKSTC (để b/cáo);
- Các đơn vị thuộc VKSTC;
- VKSND cấp cao 1,2,3;
- VKSND các tỉnh, tp thuộc TW;
- Văn phòng VKSTC;
- Lãnh đạo Vụ và các phòng Vụ 13;
- Lưu VT, Vụ 13 (P.TMTH)

**TL. VIỆN TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ**



Vũ Thị Hải Yến